

Chính trị, khoa học chính trị và đào tạo khoa học chính trị ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức

Phạm Quang Minh*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 30 tháng 9 năm 2009

Tóm tắt. Trong các khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam hiện nay, có lẽ khoa học chính trị là một trong những ngành quan trọng nhất, nhưng cũng là một trong những ngành còn đang gặp phải nhiều thách thức nhất. Khoa học chính trị Việt Nam, vì nhiều lý do khác nhau, vẫn còn đang trong quá trình khẳng định vị thế của mình, nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng ngành khoa học chính trị Việt Nam hiện đại, hội nhập và có bản sắc riêng. Mục tiêu chính của bài viết này là phân tích một số xu hướng phát triển chủ đạo trong khoa học chính trị ở Mỹ và phương Tây. Bài viết gồm ba phần. Phần đầu của bài viết phân tích khái niệm chính trị với suy nghĩ đây là khái niệm cơ bản, là đối tượng của khoa học chính trị. Việc hiểu chính trị như thế nào sẽ có ảnh hưởng đến việc giảng dạy và nghiên cứu chính trị. Phần hai đề cập đến sự phát triển ngành khoa học chính trị ở phương Tây với mục đích qua đó rút ra được một số kinh nghiệm thiết thực cho Việt Nam. Phần ba của bài viết sẽ trình bày về một số bất cập trong đào tạo khoa học chính trị ở Việt Nam. Bài viết kết luận, khoa học chính trị ở Việt Nam đang đứng trước những cơ hội mới và đề biến cơ hội thành hiện thực cần có cách tiếp cận toàn diện.

1. Chính trị là gì?

Trước khi trao đổi về khoa học chính trị trên thế giới, chúng ta cần phải tìm hiểu khái niệm “chính trị” (*politics*) là gì. Thiếu hiểu biết về đối tượng hoặc hiểu không đầy đủ về đối tượng nghiên cứu, chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến chất lượng, phương pháp và phạm vi nghiên cứu. Cần phải nói ngay rằng, cho đến nay, tồn tại nhiều cách định nghĩa khác nhau về chính trị.

Một quan điểm khá phổ biến trên thế giới cho rằng chính trị thuộc lĩnh vực “quyền lực”

(*power*). Karl Marx (1818-1883) là một trong những đại diện tiêu biểu cho quan điểm này.

Theo Marx, chính trị liên quan đến quyền lực và vấn đề là ở chỗ quyền lực không được phân phối đồng đều giữa các tầng lớp xã hội khác nhau. Chính sự phân phối không bình đẳng này đã gây nên xung đột và đấu tranh giai cấp. Theo Marx, chính trị là một quá trình mà qua đó các giai cấp có xung đột về quyền lợi đấu tranh để giành lấy, nắm giữ hoặc gây ảnh hưởng quyền lực nhà nước. Ở phương Tây, quan hệ giai cấp và xung đột giai cấp là đề tài nghiên cứu trọng tâm của nhiều nhà nghiên cứu theo học thuyết mác-xít. Đối với Marx, chính trị là xấu xa, không tốt đẹp. Để có được cuộc sống

*ĐT: 84-904696062.

E-mail: phamquangminh@gmail.com

tốt đẹp hơn, chúng ta phải “tiến tới thủ tiêu tất cả mọi giai cấp và tiến tới một xã hội không giai cấp” [1], tức là phải loại bỏ chính trị ra khỏi đời sống của con người. Vì chính trị là biểu hiện của xung đột giai cấp, nên nếu không còn giai cấp nữa thì cũng sẽ không còn nhà nước và chính trị cũng sẽ biến mất. Nói một cách khác, học thuyết của Marx chủ trương xây dựng một xã hội không có chính trị.

Một quan điểm khác về chính trị, đồng ý với Marx ở một điểm, cũng là của một học giả người Đức tên là Max Weber,⁽¹⁾ khi cũng cho rằng chính trị thuộc lĩnh vực “quyền lực” (*power*) và “nhà nước” (*state*). Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa họ là ở chỗ, Max Weber không cho rằng chính trị có thể được loại bỏ ra khỏi đời sống con người. Chính trị và nhà nước chắc chắn không phải là điều hoàn hảo, nhưng người ta vẫn cần đến chúng. Theo quan điểm của Weber, chính trị là quá trình để giành lấy quyền lực và ảnh hưởng đến việc phân phối quyền lực giữa các thành phần trong một quốc gia hoặc giữa các quốc gia. Xung đột và đấu tranh giai cấp chỉ là một phần của quá trình này.

Quan điểm thứ ba có liên quan chặt chẽ đến học thuyết của Weber là của học giả người Canada, nhưng sống và làm việc tại Mỹ, tên là David Easton (1917-) khi cho rằng chính trị là sự phân phối có thẩm quyền các giá trị. Khái niệm này được sử dụng khá phổ biến ở Mỹ và các nước phương Tây. Nó tạo ra khuynh hướng nghiên cứu chính trị tập trung vào nhà nước, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm và hoạt động của chính phủ, các chính đảng, các cơ quan nhà nước như bộ máy hành chính, quân đội, cảnh sát và các cá nhân hoạt động trong bộ máy chính trị đó.

⁽¹⁾ Max Weber (1864-1920) được coi là một trong số ít học giả có tầm ảnh hưởng lớn trong khoa học xã hội và là một trong những ông tổ của ngành xã hội học. Các tác phẩm của ông cũng được coi là nền tảng của ngành khoa học chính trị hiện đại.

Quan điểm thứ tư về chính trị cũng nhấn mạnh vào việc nghiên cứu chính phủ, nhưng không phải là chính phủ dưới bất cứ dạng nào. Đây là quan điểm của học giả Bernard Crick (1929-2008) người Anh, người đã sử dụng và phát triển quan điểm của Aristotle (384-322 TCN) về chính trị từ thời Hy Lạp cổ đại, khi cho rằng chính trị là sự dung hòa các đòi hỏi chính đáng về phân phối hàng hóa và dịch vụ. Theo Crick, chính trị là một hoạt động thông qua đó các tập thể cùng chung một số quyền lợi được hòa giải bằng cách chia cho họ một phần quyền lực tương xứng với tầm quan trọng của họ đối với sự tồn vong và lợi ích của cả cộng đồng. Cũng theo Crick, chính trị là một điều tốt, bởi vì không có chính trị thì xã hội sẽ phát triển theo hướng độc tài, chuyên chế. Crick được biết đến với khái niệm, “chính trị là đạo đức được thực hiện công khai” (*Politics is ethics done in public*).

Quan điểm tiêu biểu thứ năm về chính trị là của Harold Lasswell (1902-1978), học giả người Mỹ, nổi tiếng với định nghĩa chính trị ngắn gọn và súc tích: “Chính trị là ai được gì, bao giờ và bằng cách nào?” (*Politics is who gets what, when, and how?*). Khái niệm này tập trung vào hoạt động hơn là vị trí của chính trị. Theo Lasswell, chính là hoạt động, chứ không phải vị trí mới quyết định tính chất chính trị của một nhóm hay tổ chức. Hầu hết tất cả các nhóm, không chỉ là các cơ quan nhà nước, khi tham gia hoạt động chính trị là đang đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi này.

Nói tóm lại, chính trị là quá trình bao gồm tranh luận, quyết định, xung đột và/hoặc hợp tác giữa các cá nhân, nhóm và tổ chức đối với sự chi phối, kiểm soát, phân phối và sử dụng các nguồn tài nguyên, cũng như các giá trị và tư tưởng làm nền tảng cho các hoạt động đó.

Ở phương Tây, phần lớn các nhà nghiên cứu chính trị theo quan điểm thứ hai (chính trị là giành và ảnh hưởng quyền lực nhà nước) và

thứ ba (chính trị là phân phối các giá trị có thẩm quyền). Một số ít, nhưng ngày càng nhiều các nhà khoa học chính trị theo quan điểm thứ năm (chính trị là ai được gì, bao giờ, bằng cách nào). Một số đáng kể theo quan điểm thứ nhất (chính trị là đấu tranh giai cấp). Rất ít người chia sẻ quan điểm thứ tư (chính trị là đạo đức được thực hiện công khai)

2. Khoa học chính trị ở phương Tây

Đối tượng của khoa học chính trị không có gì khác là chính trị. Nhưng khoa học chính trị khác các khoa học tự nhiên ở chỗ, nếu mục đích của các khoa học tự nhiên là phát hiện ra các quy luật của thế giới tự nhiên để từ đó đưa ra các dự báo về tương lai, thì mục đích của khoa học chính trị chỉ là cố gắng nghiên cứu chính trị một cách có hệ thống, nhằm đạt được sự hiểu biết hơn là tìm ra các quy luật và nguyên tắc. Nói như thế không có nghĩa là trong khoa học chính trị không tồn tại một quy luật nào. Cho đến nay, các nhà khoa học chính trị phương Tây thừa nhận có 03 “quy luật” tồn tại trong chính trị. Thứ nhất, đó là “Luật sắt của Chế độ đầu sỏ” (*Iron law of oligarchy*). Đó là quá trình tự nhiên của các nhóm và tổ chức sau một thời gian phát triển sẽ hình thành một cấu trúc quyền lực theo thứ bậc với một nhóm lãnh đạo nhỏ đứng đầu. Thứ hai là “Luật Duverger” (*Duverger's law*). Luật này mang tên nhà khoa học chính trị người Pháp Duverger, khi ông tiến hành nghiên cứu chế độ bầu cử ở các quốc gia. Theo đó, các chế độ bầu cử được xây dựng trên nguyên tắc đa số phiếu có xu hướng sinh ra chế độ hai đảng. Những hệ thống bầu cử với cách thức đại diện theo tỷ lệ thường sinh ra chế độ đa đảng. Thứ ba là “Luật hòa bình dân chủ” (*Law on Democratic Peace*). Theo luật này, các nền dân chủ không gây chiến tranh với nhau [2].

Với tư cách là một ngành khoa học, khoa học chính trị thực sự mới chỉ phát triển từ đầu

thế kỷ XX. Năm 1903, ở Mỹ đã thành lập “Hội Khoa học chính trị Mỹ” (*American Political Science Association*). Ba năm sau (1906), “Tạp chí Khoa học Chính trị Mỹ” (*American Political Science Review*) ra đời. Những năm 1950-1960 của thế kỷ trước là giai đoạn phát triển của khoa học chính trị. Bắt đầu từ những năm 1970, trong khoa học chính trị, các cuộc tranh luận ngấm ngấm đã diễn ra ở Mỹ về phương pháp nghiên cứu, đặc biệt là phương pháp định lượng và phương pháp “lựa chọn duy lý” (*rational choice*). Năm 2000, một cuộc tranh luận gay gắt đã bùng nổ công khai trên Tạp chí Khoa học Chính trị Mỹ giữa hai trường phái này mà không có hồi kết [3].

Ngày nay, khoa học chính trị ở phương Tây đã là một ngành phát triển với ba bộ phận cấu thành hữu cơ gồm: “Các học thuyết chính trị” (*Political Theories*), “Các hệ thống chính trị” (*Political Systems*) và “Quan hệ quốc tế” (*International Relations*). Sự thống nhất này được thể hiện trong các sách giáo khoa về khoa học chính trị [4-7]. Cuốn nào cũng có các nội dung đề cập đến các học thuyết chính trị kinh điển và hiện đại, quyền lực và nhà nước, các cơ quan của chính phủ (lập pháp, hành pháp và tư pháp), các loại hình chính phủ, quan hệ giữa các cấp của chính phủ, quân đội, chính đảng, bầu cử, các nhóm lợi ích/áp lực, vai trò của truyền thông đại chúng, hợp tác và xung đột giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế và khu vực, luật pháp quốc tế và những biện pháp nhằm giữ gìn trật tự quốc tế và giải quyết các vấn đề toàn cầu...

Những nội dung còn đang trong quá trình thảo luận ở nhiều bộ môn khoa học chính trị ở các trường đại học ở phương Tây chủ yếu là về lý thuyết và phương pháp. Trong lý thuyết khoa học chính trị, người ta chia thành mấy nhóm sau đây.

Một là nhóm lý thuyết hệ thống và cấu trúc. Trong nhóm này có các lý thuyết như “Kinh tế

chính trị” (*Political economy*), “Thuyết cấu trúc” (*Structuralism*), “Hệ thống thế giới” (*World system*) và “Chủ nghĩa Mác” (*Marxism*). Mặc dù có một số khác biệt, nhưng nhóm này đều có chung quan điểm cho rằng các hoạt động và hệ thống-tổ chức chính trị phần lớn đều có thể lý giải được thông qua hệ thống và cơ cấu. Muốn hiểu được chính trị và các bộ phận của nó (quốc gia, chính phủ, chính đảng, tổ chức) thì phải tìm hiểu những cơ cấu và hệ thống cơ bản về tư tưởng, hành vi và hoạt động của hệ thống đó.

Hai là thuyết “Lựa chọn duy lý” (*Rational choice*). Lý thuyết này nhấn mạnh đến hành vi chính trị của các nhóm và cá nhân và cho rằng các nhóm và cá nhân luôn lựa chọn hay hành động nhằm đạt được kết quả tốt nhất trong hoàn cảnh và điều kiện xác định.

Ba là nhóm “Lý thuyết phê phán” (*Critical theory*), “Thuyết hậu cấu trúc” (*Post-structuralism*) và “Thuyết hậu hiện đại” (*post-modernism*). Điểm chung của nhóm lý thuyết này là đều tập trung nhấn mạnh vào ý nghĩa của đối tượng nghiên cứu thay vì tìm kiếm khuôn mẫu hành vi của cá nhân và nhóm hoặc một kết cấu và hệ thống. Theo những lý thuyết này thì ý nghĩa của một dữ kiện hay hành động đều thay đổi tùy theo người quan sát hay người hành động.

Về phương pháp, hầu như các học giả phương Tây đều coi trọng và sử dụng các phương pháp từ định tính, diễn giải cho đến định lượng. Trong số các phương pháp này, định lượng được sử dụng nhiều nhất. Kết quả của một cuộc điều tra gần đây cho thấy, hai phần ba trong tổng số 57 bộ môn khoa học chính trị có uy tín nhất ở Mỹ bắt buộc các nghiên cứu sinh phải theo học môn thống kê và các môn phương pháp định lượng khác [3]. Phương pháp định lượng có vị trí quan trọng đến mức mà phần lớn các bộ môn khoa học chính trị ở Mỹ đã cho phép các học viên cao học và nghiên cứu sinh được thay thế môn

ngoại ngữ bằng các môn học phương pháp thống kê. Phương pháp định lượng bao gồm các phương pháp như thống kê (*statistics*), tạo mô hình (*modeling*), kiểm nghiệm và mô phỏng. Nguồn tài liệu được thu thập chủ yếu từ các cuộc phỏng vấn, điền dã, văn bản hoặc các tư liệu khác. Tuy nhiên, phương pháp định lượng cũng bị phê phán mạnh mẽ. Không có “người thắng, kẻ thua” trong những cuộc tranh luận như thế này và kết quả là mỗi trường đại học tự quyết định dạy cái gì và dạy như thế nào, tùy theo sự chuyên sâu của các giáo sư.

3. Đào tạo khoa học chính trị tại Việt Nam

Với tư cách là một ngành khoa học đào tạo chuẩn, tức là có mã ngành được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp, khoa học chính trị ở Việt Nam chỉ hình thành và phát triển từ đầu những năm 1990 của thế kỷ trước. Công cuộc đổi mới ở trong nước, chiến tranh lạnh chấm dứt, sự sụp đổ của Liên Xô và phe XHCN cùng với xu thế toàn cầu hóa là những nguyên nhân cơ bản, những điều kiện tiên quyết cho sự ra đời của ngành khoa học chính trị ở Việt Nam. Tuy nhiên, nếu xem quan hệ quốc tế là một bộ phận của ngành khoa học chính trị thì ngành này đã có đúng nửa thế kỷ tồn tại và phát triển. Cơ sở đào tạo quan hệ quốc tế đầu tiên ở Việt Nam là Học viện Ngoại giao được chính thức thành lập vào năm 1959 theo quyết định của Chính phủ Việt Nam [8]. Trên cơ sở đó, mãi đến năm 1967, Trường đại học Ngoại giao mới được thành lập. Mặc dù vậy, một chương trình đào tạo cử nhân ngoại giao chính quy đến tận năm 1970 mới được đưa vào giảng dạy chính thức.

Tuy nhiên, phải đến đầu những năm 1990, các bộ môn/khoa Khoa học chính trị mới chính thức được thành lập ở Việt Nam, trên cơ sở tái cấu trúc các bộ môn Mác-Lênin trước đây. Đứng trước yêu cầu đổi mới và hội nhập, năm 1995, Bộ môn Khoa học chính trị đã được

chính thức thành lập tại Trường ĐHKHXHNV, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tuy nhiên, mãi đến năm 2008, Bộ môn mới chính thức tuyển sinh khóa đầu tiên đào tạo cử nhân ngành chính trị học. Một đơn vị khác là Khoa Chính trị học thuộc Học viện Báo chí Tuyên truyền, được thành lập từ tháng 1 năm 1994, có nhiệm vụ đào tạo cử nhân chuyên ngành chính trị học Việt Nam. Nhiều trường đại học khác cũng có bộ môn/khoa chính trị học hoặc lý luận chính trị, nhưng nhiệm vụ chủ yếu là giảng dạy các môn Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thay đổi đáng kể trong lĩnh vực giảng dạy chính trị ở Việt Nam đã diễn ra từ sau cuộc hội thảo do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức ngày 23/3/2007, trong đó các đại diện của các bộ môn Mác-Lênin của các trường đại học đã nhất trí đề nghị Bộ xem xét và cho phép giảm thiểu thời lượng các môn học thuộc khối kiến thức Mác-Lênin gồm Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên tinh thần đó bắt đầu từ năm học 2008-2009, 05 môn học này đã được cấu trúc lại thành 03 học phần có tên gọi: Các nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Con đường cách mạng Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, trong những năm qua, nhờ có công cuộc đổi mới, nhiều công trình được coi là “kinh điển” trong lĩnh vực khoa học chính trị của các tác giả nước ngoài đã được dịch và giới thiệu ở Việt Nam [9-12]. Công việc này được Nhà xuất bản Tri thức của Công ty sách Alpha thực hiện đã đem lại cho độc giả những tri thức quý giá của nhân loại. Trong tương lai, cần phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển chọn, dịch và giới thiệu những công trình tương tự cho các trường đại học có chuyên ngành khoa học chính trị.

Đặc biệt sự hợp tác quốc tế, giao lưu trao đổi với các trường đại học nước ngoài, nhất là của Mỹ, đã được chú ý, mở ra những cơ hội

mới cho ngành khoa học chính trị tại Việt Nam. Đây là một quá trình dài đòi hỏi phải có sự quan tâm trước hết là của lãnh đạo các trường đại học, các bộ môn và chính các nhà khoa học.

Tuy nhiên, ngoài những thay đổi tích cực kể trên, đào tạo khoa học chính trị ở Việt Nam vì nhiều lý do khác nhau vẫn còn nhiều hạn chế. Điều này được thể hiện rõ nhất trong việc thiết kế các chương trình đào tạo ngành chính trị học ở Việt Nam. So với các chương trình đào tạo ở nước ngoài, chương trình đào tạo ngành chính trị học ở Việt Nam vẫn bộc lộ một số hạn chế sau đây.

Thứ nhất, cũng giống như các ngành học khác, sinh viên ngành chính trị học phải hoàn thành một khối lượng lớn kiến thức giáo dục đại cương chiếm tới gần một phần ba thời lượng đào tạo của toàn bộ chương trình [13]. Điều đó có nghĩa là thời gian còn lại cho khối kiến thức chuyên ngành rất ít.

Thứ hai là chương trình đào tạo chính trị học của Việt Nam chưa thực sự tương thích với các chương trình chuẩn quốc tế. Các sinh viên tốt nghiệp ngành chính trị học của Việt Nam vẫn bị yêu cầu bổ sung kiến thức trước khi được nhập học chương trình cao học ở nước ngoài.

Thứ ba, nhiều sinh viên than phiền là chương trình đào tạo còn nặng về lý thuyết, rất ít đào tạo về kỹ năng mềm, phương pháp đào tạo không hiện đại, không đủ tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt, không có các bộ giáo trình chuẩn và chưa đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo các nguồn tài liệu nước ngoài.

Thứ tư, điểm yếu nhất trong chương trình đào tạo chính trị học là cách tiếp cận liên ngành, mà ngành chính trị học là một trong những ngành đòi hỏi kiến thức của nhiều ngành khác như lịch sử, kinh tế, luật, xã hội học, tâm lý học... Có rất ít sự tích hợp, phối “kết hợp” (*integration*) giữa các môn học và các môn học dường như không gắn kết với nhau để tạo thành một chương trình hoàn chỉnh. Một số môn học

cốt lõi bắt buộc đối với sinh viên ngành khoa học chính trị ở nước ngoài ví dụ như “Phân tích Chính sách” (*Policy Analysis*), “Kinh tế Chính trị quốc tế” (*International Political Economy*), “Các học thuyết chính trị” (*Political Theories*)... không được giảng dạy một cách đầy đủ hoặc hoàn toàn không được giới thiệu. Sự thiếu hụt một số môn học bổ trợ (nhưng vô cùng quan trọng) như kỹ năng và phương pháp nghiên cứu, thống kê, ngoại ngữ... đã làm giảm chất lượng của ngành học và khả năng ứng dụng của sinh viên.

Thứ năm, không giống như các chương trình đào tạo ngành khoa học chính trị ở các trường đại học tiên tiến, chương trình đào tạo ngành chính trị học ở Việt Nam vẫn chưa tập trung vào các vấn đề chuyên sâu của khoa học chính trị như các học thuyết chính trị, chính trị học so sánh và quan hệ quốc tế.

Để khắc phục những hạn chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tổ chức các cuộc hội thảo tập hợp các chuyên gia đầu ngành, trên cơ sở tham khảo các khung chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến nước ngoài, trao đổi bàn bạc để xây dựng một chương trình khung thống nhất cho ngành khoa học chính trị ở Việt Nam với một số tiêu chí như hiện đại, hội nhập, linh hoạt và Việt Nam. Ngoài ra, cần phải có một kế hoạch xây dựng các nhóm đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản nhằm góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về mặt lý luận và thực tiễn của chính trị Việt Nam.

4. Kết luận

Khoa học chính trị là một ngành đào tạo còn non trẻ ở Việt Nam. Trên thực tế, các cơ sở đào tạo và nghiên cứu chính quy mới được thành lập từ những năm 1990 của thế kỷ trước. Vì vậy, không hề ngạc nhiên, khi vẫn còn nhiều việc phải làm từ việc xây dựng khung chương

trình đến đào tạo đội ngũ cán bộ, xây dựng thư viện, phát triển mạng lưới và bắt kịp với các xu hướng đào tạo và nghiên cứu của thế giới. Tuy nhiên, tương lai của ngành học này là rất sáng sủa, bởi vì Khoa học chính trị đang có một sứ mệnh vẻ vang là xây dựng và phát triển ngành học còn mới mẻ này ở Việt Nam, đồng thời góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách của xã hội Việt Nam trong quá trình, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đây vừa là cơ hội đồng thời cũng là thách thức đối với ngành học này.

Trong những năm qua, nghiên cứu và giảng dạy ngành Khoa học chính trị ở Việt Nam đã có những thay đổi, tiến bộ nhất định, nhưng chưa nhiều. Một trong nhiều giải pháp hướng tới việc xây dựng ngành học này là sự quan tâm của chính phủ, sự đồng tâm của toàn xã hội, sự quyết tâm của các nhà khoa học. Đây là một quá trình dài đòi hỏi phải tăng cường trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước, nhằm hình thành một mạng lưới các nhà nghiên cứu, giảng dạy khoa học chính trị ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] C. Mác, Ph. Ăng-ghen, *Tuyên tập*, Tập II, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1981, tr.662.
- [2] Landman Todd, *Issues and Methods in Comparative Politics-An Introduction (Second Edition)*, London and New York: Routledge 2003.
- [3] B. Kerkvliet, *Chính trị là gì và nghiên cứu chính trị như thế nào?* Báo cáo trình bày tại Trường ĐHKHXHNV, ĐHQG Hà Nội, năm 2003.
- [4] G. Roskin Michael, Robert L. Cord, James A. Medeiros, Walter S. Jones, *Political Science-An Introduction (tenth edition)*, Pearson Prentice Hall 2008.
- [5] J. Payne Richard, Jamal R. Nassar, *Politics & Culture in the developing world (second edition)*, Pearson Longman, 2006.

- [6] B. Hughes Barry, *Continuity and Change in World Politics* (fourth edition), Prentice Hall 2000.
- [7] T. Rourke John, Mark A. Boyer, *World Politics* (second edition), Dushkin/McGraw-Hill, 1998.
- [8] Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Hà Nội: NXBCTQG 2002, tr. 399.
- [9] N. Machiavelli, *Quân vương-Thuật trị nước*, NXB Tri Thức, Hà Nội, 2005.
- [10] A.D. Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2006.
- [11] D. Diderot, *Cháu ông Rameau*, NXB Tri Thức, Hà Nội, 2006.
- [12] M. Weber, *Nền đạo đức Tin Lành và Tinh thần của Chủ nghĩa tư bản*, NXB Tri Thức, Hà Nội, 2008.
- [13] Khung chương trình đào tạo ngành Chính trị học tại website: <http://www.ussh.edu.vn>.

Politics, political science and its training in Vietnam: Chances and challenges

Pham Quang Minh

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Within social and human sciences in Vietnam, political science seems to be the most important, but at the same time most challenging. Due to many reasons, Vietnam's political science is still on the way to achieve the aims of building of a discipline that would be modern, integrated and that would have its own identity.

The main objective of the article is to analyse the main trends of development in political science in the United States and in the West. The article consists of three parts. The first part deals with the definition "politics" what is fundamental term and object of political science, and will influence on teaching and researching politics. The second part of the article provides a glimpse of development of political science in the West with the hope through this some useful lessons for Vietnam could be draw. The third part presents some inadequate problems in political science in Vietnam. The article concludes that Vietnam's political science has both chances and challenges, and in order to realize chances it is necessary to have a complete approach.